

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT QUỐC TẾ
MÃ SỐ: 60 38 01 08

(Ban hành theo Quyết định số 42/QĐ-DHQGHN, ngày 30 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- *Tên chuyên ngành đào tạo:*

- + Tiếng Việt: Luật quốc tế
- + Tiếng Anh: International law

- *Mã số chuyên ngành đào tạo:* 60 38 01 08

- *Tên ngành đào tạo:*

- + Tiếng Việt: Luật
- + Tiếng Anh: Law

- *Trình độ đào tạo:* Thạc sĩ

- *Thời gian đào tạo:* 2 năm

- *Tên bằng tốt nghiệp:*

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- *Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật chuyên ngành Luật quốc tế có mục tiêu chung là giúp người học nắm vững các kiến thức lý luận chuyên sâu và cập nhật về khoa học luật quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế), có các kỹ năng nghiên cứu khoa học, phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn để phục vụ tốt cho công việc của người học tại các cơ quan bảo vệ pháp luật; hoặc các cơ quan có liên quan đến các lĩnh vực giảng dạy-nghiên cứu như các trường đại học, viện nghiên cứu; hoặc các cơ quan xây dựng, áp dụng hoặc

thực thi pháp luật như các cơ quan của chính phủ, hay các công ty luật hoặc các tổ chức quốc tế; có khả năng tiếp tục nghiên cứu và học tập ở bậc học tiến sĩ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

- Danh mục các ngành phù hợp: Luật Quốc tế; Luật Kinh tế, Luật Kinh doanh.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn

- Nắm vững nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Có những kiến thức lý luận và thực tiễn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực Luật Quốc tế, bao gồm các vấn đề trong khoa học Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế, những kiến thức pháp luật mang tính mở rộng, tính thời sự và tính chuyên sâu theo những vấn đề hẹp hơn nữa tương ứng với các lĩnh vực Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế.

1.2. Chuẩn về năng lực chuyên môn

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; ~~VAT~~

- Có các kỹ năng nghiên cứu khoa học: Phát hiện vấn đề nghiên cứu; tổ chức nghiên cứu độc lập, sáng tạo; đánh giá, phản biện, tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực luật quốc tế;
- Có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực cụ thể;
- Có kỹ năng tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;
- Có khả năng tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ việc có liên quan đến pháp luật quốc tế một cách độc lập;
- Có thể sử dụng ngoại ngữ để tiếp cận tài liệu nước ngoài; có đủ khả năng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài;

2.2. Kỹ năng bồi trợ

- Có kỹ năng truyền đạt thông tin, biết trình bày kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn khoa học, kỹ năng viết báo cáo khoa học trong lĩnh vực luật quốc tế;
- Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần túy các vấn đề khoa học trong lĩnh vực luật quốc tế;
- Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo; đề xuất các vấn đề thuộc chính sách pháp luật quốc tế giúp cho Chính phủ, Quốc hội;
- Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, trình bày và truyền thông;
- Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức pháp luật, thích ứng với sự thay đổi của pháp luật quốc tế;
- Có kỹ năng đàm phán, tư vấn pháp luật trong lĩnh vực luật quốc tế;
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.

3. Chuẩn về đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân;
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan;
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;
- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;
- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật học chuyên ngành Luật quốc tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, (i); Công tác tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan đảng và tổ chức chính trị-xã hội (ii); Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội (iii).

- Nhóm 2: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính-chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật).

- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các doanh nghiệp, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn



viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp.

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật học chuyên ngành Luật quốc tế, người học có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc đào tạo tiến sĩ ở trong nước hoặc ở nước ngoài.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo luật của Đại học Sydney Australia

Tên chương trình: Thạc sĩ Luật Quốc tế

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng Thạc sĩ Luật Kinh doanh (Master of International law)

Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: School of Law, University of Sydney

Xếp hạng của cơ sở đào tạo: ĐH Sdyney xếp thứ 37 trong bảng xếp hạng của QS World University Rankings (<http://www.topuniversities.com/univesity-rankings/world-university-rankings/2014>, cập nhật ngày 10/01/2015) ✓

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	64 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	16 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	20 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	20 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		08				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2		Ngoại ngữ cơ bản *		30	30		
	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>(Basic English)</i>					
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản <i>(Basic Russian)</i>					
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>(Basic French)</i>	4				
	GER 5001	Tiếng Đức cơ bản <i>(Basic German)</i>					
	CHI 5001	Tiếng Trung cơ bản <i>(Basic Chinese)</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.I.	Các học phần bắt buộc		16				
3	INL6019	Những vấn đề chuyên sâu về Công pháp quốc tế <i>Specialized issues on Public International Law</i>	3	27	9	9	
4	INL6020	Những vấn đề chuyên sâu về Tư pháp quốc tế <i>Specialized issues on International private Law</i>	3	27	9	9	

VAT

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
5	INL6021	Những vấn đề chuyên sâu về Luật Thương mại quốc tế <i>Specialized issues on International Commercial Law</i>	3	27	9	9	
6	INL6044	Luật Kinh tế quốc tế <i>International Economic Law</i>	3	27	9	9	
7	INL6024	Luật Biển Quốc tế <i>International Law of the sea</i>	2	18	6	6	
8	INL6025	Luật nhân quyền quốc tế <i>International human rights law</i>	2	18	6	6	
II.2.	Các học phần tự chọn		20/40				
9	DES6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
10	DES6002	Phương pháp giảng dạy môn luật bậc đại học <i>Legal teaching methods in university</i>	2	18	6	6	
11	INL6027	Luật Điều ước quốc tế <i>International Treaty Law</i>	2	18	6	6	
12	INL6028	Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law</i>	2	18	6	6	
13	INL6029	Luật Môi trường quốc tế <i>International Environmental Law</i>	2	18	6	6	
14	INL6035	Luật Nhân đạo quốc tế <i>International humanitarian law</i>	2	18	6	6	
15	INL6032	Luật hàng hải quốc tế <i>International maritime Law</i>	2	18	6	6	
16	INL6033	Luật về các tổ chức quốc tế <i>Law on international organizations</i>	2	18	6	6	
17	INL6030	Giải quyết tranh chấp biển đảo theo Luật quốc tế hiện đại <i>Settlement of Disputes on the Sea and Islands Under Modern International Law</i>	2	18	6	6	

VAT

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18	INL6036	Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa <i>Vietnam's Sovereignty Over Paracel Islands and Spratly Islands</i>	2	18	6	6	
19	INL6034	Tổ chức và pháp luật ASEAN <i>Organisation and Law of ASEAN</i>	2	18	6	6	
20	INL6037	Cộng đồng Kinh tế ASEAN <i>ASEAN Economic Community</i>	2	18	6	6	
21	INL6038	Học thuyết và án lệ quốc tế <i>International doctrine and jurisprudence</i>	2	18	6	6	
22	INL6031	Pháp luật về các biện pháp phòng vệ trong thương mại quốc tế <i>Law on remedy measures in international trade</i>	2	18	6	6	
23	INL6035	Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO <i>The Mechanism of International commercial disputed resolution of WTO</i>	2	18	6	6	
24	INL6039	Hợp tác và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại <i>Legal cooperation and judicial assistance on civil and commercial matters</i>	2	18	6	6	
25	INL6040	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài <i>Law on international marriage and family relationships</i>	2	18	6	6	
26	INL6041	Bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ <i>International protection of intellectual property rights</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
27	INL6042	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế <i>International sale of goods</i>	2	18	6	6	
28	INL6043	Vận tải hàng hóa bằng đường biển <i>Carriage of goods by Sea</i>	2	18	6	6	
IV	INL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
		Cộng:	64				



Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy. Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

